

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ  
MÔI TRƯỜNG**

-----

Số: 03/2019/TT-BTNMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2019

**THÔNG TƯ**

**BAN HÀNH DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ  
HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2019.

**Điều 3.** Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Phương Hoa**

## DANH MỤC

### ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VẤN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH PHÚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 03/2019/TT-BTNMT ngày 26 tháng 04 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

#### Phần I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn vấn, thủy vấn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn vấn, thủy vấn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm các thành phố và huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã thể hiện ghi chú trong ngoặc đơn để phân biệt địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn vấn, TV là nhóm địa danh thủy vấn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột “Địa danh”.

#### Phần II

### DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VẤN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH PHÚC

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

<b>STT</b>	<b>Đơn vị hành chính cấp huyện</b>	<b>Trang</b>
1	Thành phố Vĩnh Yên	3
2	Thành phố Phúc Yên	10
3	Huyện Bình Xuyên	19
4	Huyện Lập Thạch	30
5	Huyện Sông Lô	43
6	Huyện Tam Dương	53
7	Huyện Tam Đảo	62
8	Huyện Vĩnh Tường	70
9	Huyện Yên Lạc	82